TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 7 – 2023
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân
Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại điểm cầu Trung tâm đặt tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tại điểm cầu thành phần đặt tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn**:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1968; Địa chỉ: số 70/8 ấp L.H, phường M, thành phố L.X, tỉnh A. (có mặt tại điểm cầu thành phần).

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp 2, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2023, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị X chung sống vào khoảng năm 1994, có tổ chức gả cưới theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn trong việc phát triển kinh tế gia đình. Ông và bà X đã ly thân sống riêng từ năm 2015 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Như T, sinh ngày 20/7/1995; con tên Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 28/10/2003. Hiện 02 con đã trưởng thành, có khả năng tự sinh sống nên không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án thông báo nội dung khởi kiện ông P yêu cầu và được triệu tập hợp lệ nhưng bà X không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau vào khoảng năm 1994, không đăng ký kết hôn. Ông P yêu cầu ly hôn với bà X. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Nguyễn Thị X, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo nội dung đơn khởi kiện của ông P và văn bản tố tụng triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải cho bà X nhưng bà X vắng mặt không rõ lý do. Ông P yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập bà X tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bà X đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại Điều 207 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông P và bà X chung sống có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông bà không hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Nay ông P yêu cầu ly hôn với bà X, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Như T, sinh ngày 20/7/1995; con tên Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 28/10/2003. Hiện 02 con đã trưởng thành, có khả năng tự sinh sống nên không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung không có nợ chung. Bà X không có ý kến gì. Đến nay không ai yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông P và bà X. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

Về con chung: Nguyễn Như T, sinh ngày 20/7/1995 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 28/10/2003, đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* ông Nguyễn Thanh P phải nộp. Ngày 14/6/2023 ông Nguyễn Thanh P đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0003572 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.